TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 7 - 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Trần Ngọc Chiến

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Ông Lã Hải Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/ TLST – HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc "Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 03/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lại Thị Hoàng A, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ S, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Bàng Thanh T, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ B, khu 3, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2020, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lại Thị Hoàng A đều trình bày: Chị và A Bàng Thanh T kết hôn vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại tổ 3, khu 3B, phường Quang HA, thành phố C từ năm 2017 vợ chồng chị chuyển đến ở nhờ gia đình nhà ngoại tại tổ S, khu D, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau kết hôn có thời gian hạnh phúc rất ngắn vì khi kết hôn cả hai anh chị còn trẻ tuổi nên cũng không biết nhường nhịn nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm

2018 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng hơn, nguyên nhân là do anh T thay đổi tính cách, đi vào con đường chơi bời, không còn quan tâm đến gia đình, vợ con, không chịu lao động để có tiền trang trải, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh chị không bàn bạc được với nhau để cùng phát triển kinh tế. Một mình chị đi làm để lo cho cả nhà khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm ảnh hưởng đến gia đình, không kìm chế được bản thân anh T còn đánh chị nhiều lần. Tình trạng này kéo dài nên chị thấy mệt mỏi, chán nản, không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên từ cuối năm 2020 chị quyết định sống ly thân với anh T, mỗi người một nơi, anh T về gia đình nhà nội ở tại phường Q còn chị vẫn ở tại nhà ngoại cùng với con. Trong thời gian sống ly thân anh chị thỉnh thoảng có nói chuyện với nhau qua điện thoại nhưng cũng chỉ là mắng chửi, xúc phạm nhau, cũng có lần anh T nói chuyện về đoàn tụ gia đình mà không có hành động gì, không thay đổi bản thân nên chị không thể tha thứ cho anh T được. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được khu phố và gia đình hai bên cũng hòa giải nhưng không đạt kết quả, vẫn tiếp tục sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến nay tình cảm của chị dành cho anh T không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng nên chị vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Bàng Thanh T có 01 con chung là Bàng Đức B, sinh ngày xx/xx/xxxx, quá trình sống ly thân con chung đã ở cùng với chị, con chung lại còn nhỏ nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được nuôi dưỡng. Hiện nay chị làm lao động tự do, thu nhập bình quân là 7 triệu đồng/tháng, đảm bảo được các điều kiện nuôi con chung nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản và công nợ chung.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Bàng Thanh T nhiều lần nhưng anh T cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T, anh T không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lại Thị Hoàng A, chị Hoàng A được ly hôn với anh T; Chị Hoàng A được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bàng Đức B, anh T không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lại Thị Hoàng A yêu cầu xin ly hôn với Bàng Th anh T hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Bàng Th anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tống đạt hợp lệ cho A T nhưng anh T cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lại Thị Hoàng A và anh Bàng Thanh T là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C. Sau kết hôn thời gian đầu A chị về sống cùng gia đình nhà nội ở tổ 3, khu 3B, phường Q, thành phố C, đến năm 2017 thì chuyển đến chung sống cùng gia đình nhà ngoại tại tổ S, khu D, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn có thời gian hạnh phúc rất ngắn sau đó đã phát sinh mâu thuẫn vì khi kết hôn anh chị còn trẻ tuổi nên chưa biết thông cảm và nhường nhịn nhau, từ năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn nguyên nhân là do anh T thay đổi tính cách, không quan tâm đến gia đình, không chịu lao động để có tiền chi tiêu cho sinh hoạt trong nhà, vợ chồng không bàn được với nhau về việc phát triển kinh tế trong gia đình, mọi việc trong nhà đều do chị Hoàng A gánh vác khiến chị thấy chán nản, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng nên từ cuối năm 2020 chị Hoàng A đã quyết định sống ly thân nhau, anh T chuyển về sống cùng gia đình nhà nội ở phường Q, chị Hoàng A và con vẫn ở cùng gia đình nhà ngoại, anh chị không còn quan tâm đến nhau và cũng không bàn bạc với nhau về việc khắc phục mâu thuẫn. Bản thân anh T khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh T cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ; khu phố và gia đình hai bên cũng hòa giải cho hai A chị nhưng cũng không đạt kết quả nên chị Hoàng A xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị Hoàng A và anh T cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của cả hai anh chị.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng A và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng A đối với anh T.

* Về con chung: Chị Lại Thị Hoàng A và A Bàng ThNH T có có 01 con chung là Bàng Đức Bảo, sinh ngày 15/01/2016, từ khi sống ly thân con chung của A chị đã sống cùng chị Hoàng A, con chung còn nhỏ nên được mẹ nuôi dưỡng cũng sẽ đảm bảo được việc chăm sóc, giáo dục tốt hơn, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Hoàng A đều giữ quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Chị Hoàng A cũng có việc làm và thu nhập ổn định nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án A T cũng không có quan điểm gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung Bàng Đức Bảo cho chị Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung hai A chị.

Do chị Hoàng A không yêu cầu A T cấp dưỡng cho con nên A T không phải cấp dưỡng cho con chung, A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Lại Thị Hoàng A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lại Thị Hoàng A và A Bàng ThA T.

2. Về con chung: Giao con chung là Bàng Đức Bảo, sinh ngày 15/01/2016 cho chị Lại Thị Hoàng A có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). A Bàng ThA T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lại Thị Hoàng A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng A đã nộp ngày 14/4/2021 theo biên lai số: 0005806 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị

đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh